TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 05 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG- TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh;
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường; ông Nguyễn Văn Thủy.
Thư ký ghi phiên toà: Ông Ngô Đình Tú
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng tham gia phiên toà: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 01-3-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Ch; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/3/1993; tại tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 4 xã Đ, huyện Ng, tỉnh K; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Võ Thị Ch (đã ly hôn), hiện nay sống chung như vợ chồng với Trần Thị H; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2019 (mới sinh thêm một con vào năm 2024); Tiền án: Không; Tiền sự: không; Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến ngày 05/02/2024 được được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Ngọc V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/11/1991; tại tỉnh Qu; Nghề nghiệp: Làm nông; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 4 xã Đ, huyện Ng, tỉnh K; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn V và bà Hoàng Thị L Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Xuân T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/4/1993; tại tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 4 xã Đ, huyện Ng, tỉnh K; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T và bà Trần Thị H; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Hà Thị Ph (đã ly hôn), hiện nay sống chung như vợ chồng với Võ Thị Diễm M; Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2023 ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến ngày 19/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh, có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bị hại:***

+Anh Trần Anh Đ, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện Ng, tỉnh K.có mặt

+ Anh Quách Huy B, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Thôn 4 xã Đ, huyện Ng, tỉnh K. có mặt

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Trần Thị H; Địa chỉ: Thôn C, xã S , huyện Ng, tỉnh K. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T không có tiền tiêu xài cá nhân nên Ch, V và T đã rủ nhau trộm cắp tài sản là hạt cà phê nhân (đã tách vỏ) và hạt cà phê khô (chưa tách vỏ) của người dân bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 22/11/2023, bị cáo Hoàng Ngọc V điều khiển xe mô tô gắn biển số 82K5-1294 đi ngang qua điểm phơi cà phê của gia đình ông Quách Huy Bh tại thôn B, xã S, huyện Ng thì thấy phía trong sân đang xay cà phê nhân nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào trong sân của gia đình ông B trộm cắp cà phê nhân bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định đó, khoảng 24 giờ 00 phút cùng ngày V điều khiển xe mô tô 82K5-1294 đi một mình đến nhà bị cáo Nguyễn Văn Ch để rủ Ch cùng đi trộm cắp cà phê nhân của gia đình ông B. Khi đến nơi thì gặp Ch đang ở nhà một mình. Lúc đó, V nói với Ch là "có kèo kiếm tiền này, bạn làm không" thì Ch nói là "có kèo gì?". V nói với Ch là "chiều mình thấy trên nhà B Th xay cà, tụi mình chạy lên xem còn không lấy ít bán kiếm tiền". Nghe V nói vậy thì Ch hiểu là V rủ Ch đi trộm cắp cà phê nhân của gia đình ông B bán lấy tiền nên liền đồng ý luôn. Sau đó, V điều khiển xe mô tô chở Ch hướng thẳng đến điểm phơi cà phê của gia đình ông B tại thôn Bun Ng, xã S luôn. Khi đến cách điểm phơi cà phê trên khoảng 200m thì dừng xe lại, cất giấu xe vào lô cao su của người dân ven đường rồi cùng Ch đi bộ theo đường lô cao

su vòng ra phía sau điểm phơi cà phê đến hàng rào lưới B40 của nhà ông B. Lúc này, V dùng tay tháo lưới B40 ra rồi cùng Ch đi vào trong sân phơi nhà ông B thì thấy có nhiều bao xác rắn màu đỏ chứa cà phê nhân chưa khâu miệng bao, đang để ở khu vực giữa sân được dùng tấm bạt nilon che phủ, đậy lại. Thấy vậy, V và Ch cùng nhau lén lút đi đến chỗ các bao cà phê nhân ở giữa sân dùng tay mở tấm bạt nilon ra. Vì bao cà phê nhân nặng nên V và Ch nói với nhau đổ bớt cà phê nhân trong bao ra cho nhẹ rồi mỗi người vác được hai bao cà phê nhân đến chỗ cất giấu xe, rồi cùng nhau dồn lại bỏ thành ba bao xác rắn màu đỏ và buộc lại. Sau đó, Ch điều khiển xe mô tô 82K5-1294 chở hai bao cà phê nhân vừa trộm cắp được đưa về nhà Ch cất giấu tại hiên nhà mình trước rồi quay lại chở V cùng một bao cà phê nhân còn lại về nhà Ch cất giấu sau. Sau khi cất giấu cà phê trộm cắp được tại nhà Ch thì cả hai đi về nhà ngủ. Đến khoảng 04 giờ 00 ngày 23/11/2023, V thức dậy điều khiển xe mô tô đi đến nhà Ch. Sau đó, V và Ch tháo mở ba bao cà phê nhân trộm cắp được ra dồn lại thành hai bao để V chở đến điểm thu mua cà phê của bà Trần Thị H tại thôn C, xã S bán. Khi đến bán số cà phê đó cân được 160,6kg, sau khi trừ bì, độ, hao hụt còn được 145,4kg, bà H mua với giá là 58.100đồng một kg, được tổng số tiền là 8.450.000đ (tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Vĩnh cầm tiền mang về chia cho Châu 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền còn lại V tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào năm 2021, 2022 bị cáo Nguyễn Văn Ch có thu mua cà phê khô tại nhà rẫy của ông Trần Anh Đ tại thôn C, xã S nên Ch đoán vụ cà phê tới, đến thời điểm ngày 05/12/2023, ông Đ đã thu hái cà phê xong và cất tại kho ở nhà rẫy. Ch biết kho chứa cà phê nhà ông Đ không có cửa để bảo vệ tài sản. Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 05/12/2023, Ch đi một mình đến nhà bị cáo Bùi Xuân T rủ T đi trộm cắp cà phê khô để bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý và nói Ch đi về nhà trước lát nữa T qua nhà Ch rồi cả hai cùng đi sau. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T đi bộ một mình đến nhà Ch rồi Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WAVES màu xám biển kiểm soát 86L3-3202 chở T đi từ nhà Ch theo đường bê tông hướng từ thôn 4, xã Đ đi thôn B, xã S. Khi đến đoạn ngã 3 giao nhau với đường đất thuộc thôn H, xã S thì Ch điều khiển xe chở T rẽ vào đi đến một con suối tiếp giáp giữa 02 thôn Hào Lý và Cao Sơn thì dừng lại rồi chỉ tay vào căn nhà ở trong rẫy cà phê của ông Trần Anh Đ và nói là bên nhà đó có cà phê. T nói là để mình đến nhà rẫy ông Đ xem thử, nếu có sẽ trộm cắp. Sau khi T đi, Ch quay xe lại đi về hướng thôn 4, xã Đn rồi điều khiển xe đi đến đoạn ngã 3 đường đất rẽ vào căn nhà rẫy của ông Đ khoảng 200m đứng đợi. Một lúc sau, T gọi điện thoại cho Ch nói là không nhìn thấy cà phê, thì Chtrả lời là "Mày đứng chờ tao tý, tao đến liền". Sau đó, Ch điều khiển xe mô tô hướng vào nhà rẫy ông Đ, khi đến gần căn nhà trên thì giấu xe mô tô vào lô cà phê cạnh đường và quan sát thấy không có người nên lén lút đi bộ đến phía trước nhà rẫy ông Đ. Đến nơi, Ch thấy T đang đứng phía trước nhà rẫy ông Đ cạnh tường rào lưới B40, T không biết chỗ để cà phê khô nên hỏi Ch thì Ch đứng sát hàng rào lưới B40 chỉ chỗ cho T vị trí để cà phê là để trong căn nhà gạch không có cửa ở cạnh cổng nhà. Nghe vậy, T liền đi vào rồi lấy trộm được 01 bao xác rắn màu đỏ chứa cà phê khô (chưa tách vỏ) vác ra ngoài theo đường bên hông nhà đưa cho Ch, Ch bê bao cà phê này giấu ở lô cà phê

đối diện nhà ông Đ. Sau đó, Ch đi đến vị trí đã giấu xe máy trước đó điều khiển xe đi đến chỗ giấu bao xác rắn màu đỏ có chứa cà phê thì dừng xe lại. Ch bê bao xác rắn màu đỏ chứa cà phê khô đặt lên baga xe phía trước xong thì T vác thêm 01 bao xác rắn màu xanh có chứa cà phê khô nữa từ trong nhà rẫy ông Đ ra rồi đặt lên yên phía sau xe cho Ch. Ch điều khiển xe mô tô chở 02 bao cà phê vừa trộm cắp được đi đến điểm thu mua cà phê của bà Trần Thị H tại thôn C, xã S bán. Đến nơi gặp bà Trần Thị H ở nhà, Cu cân 02 bao được 88kg và được bà H mua với giá 31.000 đồng một kg rồi đưa cho Ch số tiền 2.720.000 đồng. Sau đó, Ch điều khiển xe mô tô quay lại chở T đi về. Trên đường đi thì Ch nói với T là 02 bao cà phê trộm cắp được nặng hơn tám mươi kilôgam bán với giá hơn 30.000 đồng một kilôgam rồi Ch lấy ra số tiền 1.150.000 đồng chia cho T. T không nói gì và cầm tiền cất vào trong người luôn. Khi về đến nhà Ch thì T đi một mình về nhà, còn Ch sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số: 397/KL-HĐĐG, ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ng kết luận: 160,6kg (một trăm sáu mươi phẩy sáu kilôgam) cà phê nhân khô (đã tách vỏ) bị khấu trừ độ ẩm 14,2kg, còn lại khối lượng 146,4kg (một trăm bốn mươi sáu phẩy bốn kilôgam) có tổng trị giá là 8.491.000đ (tám triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Tại bản Kết luận định giá số: 396/KL-HĐĐG ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ng kết luận: 88kg (tám mươi tám kilôgam) cà phê khô chưa tách vỏ có tổng trị giá là 2.845.000đ (hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS- NH ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Ch " Phạm tội hai lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ 'thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại các điểm s khoản 1Điều 51, và áp dụng Điều 38, bị cáo Ch và bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Ch từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù; Bùi Xuân T từ 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ đi thời gian tạm giữ tạm giam; Hoàng Ngọc V từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (07/12/2023) buộc các bị cáo phải nộp án phí; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Ch và bị cáo T đã bồi thường theo thỏa thuận với ông B và bà H, bị hại B không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị

cáo Ch. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo V bồi thường cho ông Quách Huy B là 5.000.000đ.

Đối với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) cơ quan điều tra đã thu lại của bị cáo T là tiền bán cà phê do bà H trả, nên trả lại cho bà H.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo Ch và V nhất trí với kết luận giám định số 397/KL-HĐĐG, ngày 08/12/2023. Bị cáo Ch và T nhất trí với kết luận giám định số 396/KL-HĐĐG ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ng

Lời khai của các bị hại tại hồ sơ vụ án: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố, bị hại ông Đ đã nhận lại hai bao cà phê nên không yêu cầu bồi thường, bị hại ông Quách Huy B đã thỏa thuận với bị cáo Ch xong, đối với bị cáo Hoàng Ngọc V bồi thường số tiền là 5.000.000đ.

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại hồ sơ vụ án: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố, bà Trần Thị H đã nhận số tiền 1.570.000đ do bị cáo Ch trả và bị cáo T trả số tiền là 750.000đ và bà H không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với hai bị cáo, bà nhất trí nhận 400.000đ từ chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn Ch: Tôi biết mình sai rồi, tôi xin lỗi bị hại và xin hội đồng xét xử giảm án cho tôi.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bùi Xuân T: Tôi ăn năn hối cải về việc làm của mình, tôi xin lỗi bị hại và xin hội đồng xét xử giảm án cho tôi.

Lời nói sau cùng của bị cáo Hoàng Ngọc V: Tôi trong trại giam đã suy ngẫm về việc làm của mình thấy sai, tôi xin Hội đồng xét xử giảm án cho tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an huyện Ng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng đối với các bị cáo:* Các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Cho thấy Khoảng 24 giờ 00 phút, ngày 22/11/2023, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82K5-1294 chở Ch đến điểm trong sân phơi nhà ông B lấy 04

bao cà phê nhân đổ bớt ra, sau đó rồi dồn thành ba bao chở về nhà Ch cất giấu. Đến khoảng 04 giờ 00, ngày 23/11/2023, V và Ch dồn cà phê trộm cắp được thành hai bao để V chở đến điểm thu mua cà phê của bà H bán được số tiền 8.450.000đồng, V chia cho Ch số tiền 4.250.000đ, sau đó cả hai tiêu xài cá nhân hết. Số cà phê mà bị cáo Ch và V trộm cắp có giá trị là 8.941.000đ.

Vào khoảng 13 giờ 00, ngày 05/12/2023, Nguyễn Văn Ch đã rủ Bùi Xuân T đi trộm cắp cà phê khô để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Ch mượn xe mô tô nhãn hiệu WAVES màu xám biển kiểm soát 86L3-3202 của bà Nguyễn Thị H (*mẹ đẻ của Ch*) chở Bùi Xuân T đến nhà rẫy cà phê của ông Trần Anh Đ tại thôn C, xã S, huyện Ng. Khi đến nơi T lấy trộm được 02 bao xác răn màu đỏ và màu xanh chứa cà phê khô (chưa tách vỏ) vác ra ngoài theo đường bên hông nhà đưa cho Ch, Ch dùng xe mô tô nhãn hiệu WAVES màu xám biển kiểm soát 86L3-3202 chở hai bao cà phê, một bao đặt ở trước gara, một bao đặt lên yên phía sau xe, rồi Ch điều khiển xe mô tô chở 02 bao cà phê vừa trộm cắp được đi đến điểm thu mua cà phê của bà Trần Thị H tại thôn C, xã S bán được số tiền 2.720.000 đồng, Ch chia cho T số tiền 1.150.000 đồng, sau đó Ch tiêu xài cá nhân hết, T tiêu xài còn lại số tiền 400.000 đồng. Khi khám người T cơ quan điều tra Công an huyện Ng đã thu giữ số tiền là 400.000đ, T khai nhận đó là số tiền do Ch bán cà phê trộm cắp được chia cho T, cơ quan điều tra đã thu giữ hai bao cà phê chưa tách vỏ trả lại cho ông Đ. Số cà phê mà bị cáo Ch và T trộm cắp có giá trị là 2.845.000đ

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp trộm cắp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Đối với bị cáo V là người khởi xướng rủ rê bị cáo Ch và tích cực trong việc tham gia trộm cắp tài sản của ông B trị giá là 8.491.000đ. Đối với bị cáo T, khi được Ch rủ rê trộm cắp tài sản của ông Đ thì cũng tích cực tham gia và được chia số tiền là 1.150.000đ. Đối với bị cáo Ch, hành vi trộm cắp tài sản hai lần trong một thời gian ngắn, lần đầu bị cáo tích cực cùng V trộm cắp tài sản của ông B với trị giá là 8.491.000đ, V chia cho Ch là 4.250.000đ, lần hai bị cáo rủ rê T trộm cắp tài sản của ông Đ với trị giá là 2.845.000đ, Ch tham gia tích cực và trực tiếp bán tài sản trộm cắp và chia cho T số tiền là 1.150.000đ còn mình lấy phần hơn. Các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cùng nhau thực hiện. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Xét thấy, đối với hành vi trộm cắp tài sản, hành vi của các bị cáo thể hiện tính đồng phạm giản đơn cùng thực hiện một tội phạm, do không có sự chuẩn bị, tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả của hành vi trộm cắp mà các bị cáo gây ra. Xét vai trò của từng bị cáo

trong vụ án để cân nhắc mức hình phạt tương xứng với từng hành vi mà các bị cáo thực hiện, nên trách nhiệm hình sự của từng bị cáo là khác nhau và sẽ được xem xét khi quyết định hình phạt. Như vậy các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 273 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do vậy, cáo trạng số: 07/CT-VKS- NH ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] ***Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*** bị cáo Nguyễn Văn Ch có một tình tiết tăng nặng " phạm tội hai lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; ***Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tại phiên tòa bị cáo Ch và bị cáo T bồi thường thiệt hại cho bị hại B và bà H, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại, bị cáo Ch được bị hại B xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T nộp 02 huy chương chiến sỹ vẻ vang của ba và mẹ bị cáo nên bị cáo Ch và bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản, 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] **Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo**: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu: thể hiện, bị cáo Ch nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội và bị Tòa án xử phạt tù, nhưng bị cáo không lấy những lần bị xử phạt trước đây làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện bị cáo Ch coi thường, bất chấp pháp luật tiếp tục phạm tội. Đối với bị cáo Hoàng Ngọc V nhân thân xấu, vào năm 2015 bị Tòa án thị xã Ninh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng bị cáo cũng không coi đó là bài học cho mình mà tiếp tục phạm tội. Đối với bị cáo Bùi Xuân T nhân thân xấu, trước đây bị Tòa án nhân dân huyện Ng xử phạt tù vì tội trộm cắp tài sản mà cũng không coi đó là bài học cho mình mà tiếp tục phạm tội. Do đó, khi lượng hình cần phải có biện pháp thật nghiêm khắc cho từng bị cáo để các bị cáo thấy đó làm bài học cho bản thân mà cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đánh giá toàn bộ nội dung của vụ án Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo đều có nhân thân xấu lại không lấy đó là bài học mà tiếp tục phạm tội, bị cáo Ch phạm tội hai lần trong một thời gian ngắn nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc đúng với tính chất, mức độ

hậu quả mà hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm nông, không có điều kiện kinh tế để nộp phạt bằng tiền, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này đối với bà Trần Thị H là người đã mua 146,4kg cà phê nhân khô (đã tách vỏ) của bị cáo Hoàng Ngọc V và 88kg cà phê khô (chưa tách vỏ) của bị cáo Nguyễn Văn Ch trộm cắp được mà có, quá trình điều tra xác định: Khi hai bị cáo mang cà phê khô, cà phê nhân trên đến điểm kinh doanh mua bán nông sản của bà H tại thôn C, xã S, huyện Ng để bán thì hai bị cáo đã nói dối bà H đấy là cà phê của nhà mình, mang đi bán thử để khảo sát giá hạt cà phê. Nghe vậy thì bà H không nghi ngờ gì mà đồng ý mua luôn. Ngoài ra, sau khi mua 88kg hạt cà phê khô của Ch thì khi người bị hại và cơ quan điều tra thông báo đó là tài sản do Ch trộm cắp mà có thì bà H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để xác minh, làm rõ. Vì vậy, bà H không biết được số cà phê đó là do V, Ch phạm tội mà có. Do đó, hành vi của bà H không cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[7] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 86L3-3202 mà bị cáo Nguyễn Văn Ch sử dụng cùng đồng phạm đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô trên do bị cáo mượn của mẹ ruột mình là bà Nguyễn Thị H. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, thì bị cáo đã trả lại cho bà H. Việc bị cáo cùng đồng phạm sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi thực hiện hành vi phạm tội thì bà H hoàn toàn không biết. Do đó, bà H không đồng phạm với bị cáo. Bà H đã được nhận lại xe và không có ý kiến gì.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 82K5-1294 mà bị cáo Hoàng Ngọc V sử dụng cùng đồng phạm đi trộm cắp tài sản ngày 23/11/2023 tại thôn B, xã S, huyện Ng, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô trên do bị cáo V mua lại của người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch vào đầu năm 2023 để sử dụng. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có tổ chức, cá nhân nào đến nhận tài sản. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, truy tìm nên chưa có căn cứ để xử lý.

[8] **Về trách nhiệm dân sự**: Trước khi mở phiên tòa các bị cáo thỏa thuận với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như sau: bị cáo Nguyễn Văn Ch và Hoàng Ngọc V phải chịu bồi thường cho ông Quách Huy B toàn bộ số tiền là 10.000.000đ, trong đó V bồi thường là 5.000.000đ, bị cáo Ch bồi thường số tiền là 5.000.000đ, Ch đã bồi thường số tiền là 4.000.000đ còn lại 1.000.000đ bị cáo Ch sẽ

bồi thường cho ông B sau. Ông B không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Ch nữa. Bị cáo Ch đã bồi thường cho bà H số tiền 1.570.000đ, bị cáo T đã bồi thường cho bà H số tiền 750.000đ, bà H nhất trí không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T và Ch nữa, còn số tiền cơ quan điều tra thu giữ là 400.000đ bà H xin được nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 82K5-1294, có Số máy: VTT29JL1P50FMC011362; Số khung: DU100200172198, đã qua sử dụng. Giao cho cơ quan điều tra Công an huyện Ng để tiếp tục xác minh, truy tìm để xử lý.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu xanh đã qua sử dụng của Bùi Xuân T; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Ch. Hai điện thoại này là phương tiện hai bị cáo dùng để phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), thu giữ của bị cáo T là số tiền có được từ việc bán cà phê cho bà H, nên trả lại cho bà H số tiền này.

[10] ***Về án phí:*** Các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt Nguyễn Văn Ch 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến ngày 05/02/2024.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

2. Tuyên bố: bị cáo Hoàng Ngọc V phạm tội " Trộm cắp tài sản": Xử phạt Hoàng Ngọc V 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/12/2023;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

3. Tuyên bố: bị cáo Bùi Xuân T phạm tội " Trộm cắp tài sản": Xử phạt Bùi Xuân T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến ngày 19/01/2024.

4. Về trách nhiện dân sự: Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 583 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Hoàng Ngọc V và bị hại Quách Huy B như sau: bị cáo Hoàng Ngọc V phải bồi thường cho ông Quách Huy B số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng)

Áp dụng Điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày ông Quách Huy B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Hoàng Ngọc V chậm trả tiền thì hàng tháng bị cáo Hoàng Ngọc V còn phải trả khoản tiền lãi suất là 10%/ năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu xanh đã qua sử dụng của Bùi Xuân T; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Ch.

Giao cho cơ quan điều tra Công an huyện Ng 01 (một) xe mô tô gắn biển số 82K5-1294, có số máy: VTT29JL1P50FMC011362; Số khung: DU100200172198, đã qua sử dụng để tiếp tục xác minh, truy tìm và xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2024, giữa Công an huyện Ng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

- Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) theo ủy nhiệm chi lập ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa Công an huyện Ng và chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội và kèm theo danh mục mức án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc V và Bùi Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo không phải nộp tiền án phí dân sự.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, các bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/4/2024). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần có liên quan, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bị hại
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa